BẢNG TỔNG HỢP THIỆT HẠI VÀ NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI

(Kèm theo Thông báo số 154/TB-UBND, ngày 07/8/2026 của UBND xã Hợp Thành)

TT	Địa phương	Thiệt hại trên 70% diện tích											Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích											Kinh phí hỗ trợ			
		Diện tích lúa				Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Diện tích lúa				Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm							
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Diện tích mạ	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Diện tích mạ	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng	Tổng nhu cầu kinh phí hỗ trợ	Số đã thực hiện hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương, tỉnh	Số đã thực hiện hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương	Nhu cầu kinh phí hỗ trợ còn thiếu
		ha	*ha*	*ha*	*ha*	*ha*	*ha*	*ha*	*ha*	*ha*	*ha*	*ha*	*ha*	*ha*	*ha*	*ha*	*ha*	*ha*	*ha*	*ha*	*ha*	*ha*	*ha*	*tr.đồng*	*tr.đồng*	*tr.đồng*	*tr.đồng*
	1	*3*	*4*	*5,0000*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*
		8,2969	**1,258**	**0**	**0,001**	**0,4824**	**0,528**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**8,8768**	**0,324**	**0**	**0**	**0,0168**	**0,036**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**96,203**	**0**	**0**	**96,2034**
I	**Phù Lý**	**0,642**	**0,036**	**0**	**0,001**	**0,0864**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1,134**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**8,0904**	**0**	**0**	**8,0904**
1	Ma Quang Trình												0,072											0,216			0,216
2	Lâm Đức Khuynh												0,216											0,648			0,648
3	Nguyễn Mạnh Hùng												0,09											0,270			0,270
4	Nguyễn Văn Hiệp												0,18											0,540			0,540
5	Nông Văn Đạt												0,072											0,216			0,216
6	Đào Thị Kim Huế	0,144																						0,864			0,864
7	Ma Thị Thu	0,18	0,036																					1,368			1,368
8	Phan Ngọc Thanh				0,001																			0,030			0,030
9	Bùi Thị Ngoan	0,1332																						0,799			0,799
10	Nguyễn Thị Huỳnh	0,0768																						0,461			0,461
11	Nông Văn Sáng												0,072											0,216			0,216
12	Đặng Thị Thơm												0,072											0,216			0,216
13	Lý Thị Niên					0,0144																		0,086			0,086
14	Hoàng Văn Hưng					0,072																		0,432			0,432
15	Nông Văn Thức												0,072											0,216			0,216
16	Ma Phúc Dần	0,108											0,144											1,080			1,080
17	Ma Phúc Trang												0,072											0,216			0,216
18	Lưu Thị Mùi												0,036											0,108			0,108
19	Hứa Thị Hà												0,036											0,108			0,108
II	**Hiệp Hòa**	**0,444**	**0**	**0**	**0**	**0,036**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**2,880**	**0**	**0**	**2,88**
1	Hoàng Đức Thanh	0,04																						0,240			0,240
2	Hoàng Văn Lực	0,04																						0,240			0,240
3	Nguyễn Thị Uyên	0,04																						0,240			0,240
4	Nguyễn Thế Cử	0,072																						0,432			0,432
5	Phạm Ngọc Tính	0,036																						0,216			0,216
6	Nguyễn Thị Thoa	0,072																						0,432			0,432
7	Triệu Thị Nga	0,108																						0,648			0,648

TT	Địa phương	Thiệt hại trên 70% diện tích											Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích											Kinh phí hỗ trợ			
		Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Tổng nhu cầu kinh phí hỗ trợ	Số đã thực hiện hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương, tỉnh	Số đã thực hiện hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương	Nhu cầu kinh phí hỗ trợ còn thiếu
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng				
8	Liêu Văn Tới					0,036																		0,216			0,216
9	Nguyễn Văn Chức	0,036																						0,216			0,216
III	**Đồng Rôm**	**0,9088**	**0**	**0**	**0**	**0,036**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0,9612**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**8,5524**	**0**	**0**	**8,5524**
1	Lương Thanh Hải												0,108											0,324			0,324
2	Nguyễn Thị Hiệp												0,084											0,252			0,252
3	Vũ Thị Thắm												0,072											0,216			0,216
4	Trần Thị Thu Lý												0,072											0,216			0,216
5	Nguyễn Thị Điểm												0,1248											0,374			0,374
6	Nguyễn Thị Hằng												0,0504											0,151			0,151
7	Lưu Văn Đại	0,144											0,036											0,972			0,972
8	Nuyễn Thị Định	0,1224																						0,734			0,734
9	Nguyễn Văn Vũ												0,072											0,216			0,216
10	Hoàng Công Minh												0,036											0,108			0,108
11	Nhâm Thị Thu Hà	0,036																						0,216			0,216
12	Nguyễn Văn Thường	0,072																						0,432			0,432
13	Ma Thị Ngàn	0,072											0,036											0,540			0,540
14	Đoàn Thị Xuân					0,036																		0,216			0,216
15	Đoàn Văn Kiến	0,108																						0,648			0,648
16	Lưu Thị Hữu												0,18											0,540			0,540
17	Đặng Thị Yên												0,072											0,216			0,216
18	Phan Văn Đức	0,096																						0,576			0,576
19	Lưu Văn Biên	0,18																						1,080			1,080
20	Đỗ Thị Lan	0,04											0,018											0,294			0,294
21	Dương Thị Thanh	0,0384																						0,230			0,230
IV	**Na Lãng**	**0,708**	**0,082**	**0**	**0**	**0,108**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0,54**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**7,1688**	**0**	**0**	**7,1688**
1	Lưu Thị Đào												0,036											0,108			0,108
2	Ma Văn Long												0,108											0,324			0,324
3	Trần Minh Hương	0,048																						0,288			0,288
4	Lưu Văn Luân												0,072											0,216			0,216
5	Lê Thị Việt	0,108																						0,648			0,648
6	Hoàng Thị Hung		0,082																					0,653			0,653
7	Triệu Hải Hoàn	0,036																						0,216			0,216
8	Triệu Văn Thượng	0,072																						0,432			0,432

TT	Địa phương	Thiệt hại trên 70% diện tích											Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích											Kinh phí hỗ trợ			
		Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Tổng nhu cầu kinh phí hỗ trợ	Số đã thực hiện hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương, tỉnh	Số đã thực hiện hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương	Nhu cầu kinh phí hỗ trợ còn thiếu
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng				
9	Triệu Văn Cử	0,036																						0,216			0,216
10	Hoàng Thị Vấn	0,072																						0,432			0,432
11	Triệu Thị Đường	0,048																						0,288			0,288
12	Nguyễn Thị Luân					0,036																		0,216			0,216
13	Lã Thị Thon	0,072																						0,432			0,432
14	Hoàng Thị Hồng					0,036																		0,216			0,216
15	Đặng Thị Thuỷ	0,144																						0,864			0,864
16	Nông Ngọc Huấn												0,036											0,108			0,108
17	Hoàng Thị Ngọ												0,144											0,432			0,432
18	Lưu Văn Phát	0,036																						0,216			0,216
19	Hoàng Văn Thịnh												0,072											0,216			0,216
20	Hoàng Đức Biên	0,036											0,072											0,432			0,432
21	Triệu Văn Hậu					0,036																		0,216			0,216
V	**Đồng Chợ**	**1,2984**	**0**	**0**	**0**	**0,036**	**0,06**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**2,6172**	**0**	**0**	**0**	**0,0168**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**16,5084**	**0**	**0**	**16,5084**
1	Lý Phúc Toàn	0,18																						1,080			1,080
2	Lưu Thị Kim	0,108																						0,648			0,648
3	Lý Phúc Trang	0,18																						1,080			1,080
4	Lưu Văn Dương												0,168											0,504			0,504
5	Đỗ Thuỷ Triều	0,408																						2,448			2,448
6	Lương Thị Giáo												0,09											0,270			0,270
7	Lương Thị Vinh												0,108											0,324			0,324
8	Phan Thị Đẹp												0,144											0,432			0,432
9	Tống Thị Dân												0,216											0,648			0,648
10	Phan Thị Hà												0,18											0,540			0,540
11	Trần Thị Hiền												0,072											0,216			0,216
12	Nguyễn Thị Bích												0,144											0,432			0,432
13	Nguyễn Thị Yến												0,1152											0,346			0,346
14	Nguyễn Thị Tình	0,18																						1,080			1,080
15	Lưu Thị An	0,0936																						0,562			0,562
16	Nguyễn Quang Đạt												0,108											0,324			0,324
17	Nguyễn Thị Mão												0,048											0,144			0,144
18	Phạm Thị Vốn												0,036											0,108			0,108
19	Lưu Thanh Hải					0,036	0,036						0,072											0,792			0,792

TT	Địa phương	Thiệt hại trên 70% diện tích											Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích											Kinh phí hỗ trợ			
		Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Tổng nhu cầu kinh phí hỗ trợ	Số đã thực hiện hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương, tỉnh	Số đã thực hiện hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương	Nhu cầu kinh phí hỗ trợ còn thiếu
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng				
20	Nguyễn Thị Vẻ												0,144											0,432			0,432
21	Hoàng Thị My												0,216											0,648			0,648
22	Hoàng Văn Tú	0,072																						0,432			0,432
23	Hoàng Minh Khai												0,1272											0,382			0,382
24	Hoàng Thị Bích	0,0768																						0,461			0,461
25	Đỗ Thị Tâm												0,108											0,324			0,324
26	Lưu Văn Hoàn												0,036											0,108			0,108
27	Nguyễn Thị Đào												0,1608				0,0168							0,533			0,533
28	Dương Thị Lụa						0,024																	0,240			0,240
29	Lưu Thị Thu												0,108											0,324			0,324
30	Lưu Văn Đông												0,108											0,324			0,324
31	Lưu Thị Vẻ												0,108											0,324			0,324
VI	**Khuân Lân**	**0,216**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0,8088**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**3,722**	**0**	**0**	**3,722**
1	Lý Văn Minh												0,0168											0,050			0,050
2	Nguyễn Xuân Sơn												0,036											0,108			0,108
3	Lương Thanh Nhã												0,072											0,216			0,216
4	Lương Hồ Duy												0,036											0,108			0,108
5	Lương Thị Quyến												0,036											0,108			0,108
6	Lê Đức Long												0,09											0,270			0,270
7	Mã Thị Hoa												0,072											0,216			0,216
8	Nguyễn Trí Lượng												0,036											0,108			0,108
9	La Văn Tân												0,054											0,162			0,162
10	Lý Văn Hinh												0,108											0,324			0,324
11	Giang Thu Hương												0,036											0,108			0,108
12	Trần Thị Ánh												0,036											0,108			0,108
13	Lương Đức Hiếu												0,108											0,324			0,324
14	Phùng Văn Thường	0,216																						1,296			1,296
15	Lương Đình Chúc												0,072											0,216			0,216
VII	**Phú Thành**	**1,854**	**0**	**0**	**0**	**0,18**	**0,108**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0,072**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**13,5**	**0**	**0**	**13,5**
1	Trần Hậu Thắng	0,036																						0,216			0,216
2	Liêu Văn Sơn	0,108																						0,648			0,648
3	Đoàn Văn Tráng	0,036																						0,216			0,216
4	Đoàn Văn Đại	0,09																						0,540			0,540

TT	Địa phương	Thiệt hại trên 70% diện tích											Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích											Kinh phí hỗ trợ			
		Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Tổng nhu cầu kinh phí hỗ trợ	Số đã thực hiện hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương, tỉnh	Số đã thực hiện hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương	Nhu cầu kinh phí hỗ trợ còn thiếu
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng				
5	Đoàn Văn Thế	0,09																						0,540			0,540
6	Nhâm Thị Thu Hiếu	0,108				0,18																		1,728			1,728
7	Đoàn Viết Bạn	0,108																						0,648			0,648
8	Nguyễn Văn Trình	0,036																						0,216			0,216
9	Lương Thị Mây	0,09																						0,540			0,540
10	Hoàng Đình Nhuận	0,108																						0,648			0,648
11	Ma Văn Đại	0,108																						0,648			0,648
12	Bùi Thị Chuyên	0,072																						0,432			0,432
13	**Ma Thị Mười**	0,216																						1,296			1,296
14	Ma Văn Hải	0,072																						0,432			0,432
15	Ma Văn Tin	0,216																						1,296			1,296
16	Dương Văn Cúc						0,108																	1,080			1,080
17	Ma Văn Nhật	0,072																						0,432			0,432
18	Ma Duy Thắng	0,072																						0,432			0,432
19	Ma Tiến Phát	0,108																						0,648			0,648
20	Ma Thị Hướng	0,108																						0,648			0,648
21	Ma Văn Liên												0,072											0,216			0,216
VIII	**Mãn Quang**	**1,7827**	**0,528**	**0**	**0**	**0**	**0,36**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0,0756**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**18,747**	**0**	**0**	**18,747**
1	Bùi Văn Hoàn						0,144																	1,440			1,440
2	Vũ Thị Vân	0,036																						0,216			0,216
3	Phan Thị Phong		0,144																					1,152			1,152
4	Dương Văn TRường	0,0792																						0,475			0,475
5	Liêu Trung Thái		0,108																					0,864			0,864
6	Vũ Thị Liên	0,09																						0,540			0,540
7	Vũ Văn Bắc	0,144																						0,864			0,864
8	Ma Thị Hảo		0,036																					0,288			0,288
9	Mã Văn Tín	0,036																						0,216			0,216
10	Vũ Thị Hải Yến	0,108																						0,648			0,648
11	Mã Văn Mười		0,072																					0,576			0,576
12	Mã Thị Tân												0,0756											0,227			0,227
13	Lý Thị Hiệp	0,036																						0,216			0,216
14	Ma Văn Giang	0,036																						0,216			0,216
15	Đặng Thị Tâm	0,054																						0,324			0,324

TT	Địa phương	Thiệt hại trên 70% diện tích											Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích											Kinh phí hỗ trợ			
		Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Tổng nhu cầu kinh phí hỗ trợ	Số đã thực hiện hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương, tỉnh	Số đã thực hiện hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương	Nhu cầu kinh phí hỗ trợ còn thiếu
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng				
16	Mã Văn Gia		0,108																					0,864			0,864
17	Dương Thanh Huy	0,108																						0,648			0,648
18	Hoàng Nam Long						0,072																	0,720			0,720
19	Nguyễn Đình Núi	0,0684																						0,410			0,410
20	Ma Xuân Thuỷ	0,09																						0,540			0,540
21	Dương Thị Luyến	0,0403																						0,242			0,242
22	Ma Văn Biển	0,108																						0,648	0	0	0,648
23	Ma Văn Thìn	0,036																						0,216			0,216
24	Lương Văn Lành	0,072																						0,432			0,432
25	Liêu Văn Niên	0,072																						0,432			0,432
26	Ma Duy Đông	0,036																						0,216			0,216
27	Ma Thị Luỹ						0,144																	1,440			1,440
28	Hoàng Văn Thành	0,072																						0,432			0,432
29	Mã Văn Ngân		0,024																					0,192			0,192
30	Liêu Ngọc Linh	0,144																						0,864			0,864
31	Dương Văn Hán	0,144																						0,864			0,864
32	Hoàng Thị Hằng	0,0396																						0,238			0,238
33	Mã Văn Cửu		0,036																					0,288			0,288
34	Nguyễn Thị Khảm	0,0972																						0,583			0,583
35	Ma Kim Sơn	0,036																						0,216			0,216
IX	**Xóm Ôn Lương**	**0,036**	**0,288**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0,072**	**0,252**	**0**	**0**	**0**	**0,036**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**3,924**	**0**	**0**	**3,924**
1	Nguyễn Văn Tiền													0,036										0,144			0,144
2	Nguyễn Tân Anh													0,072				0,036						0,468			0,468
3	Phan Thị Hằng	0,036																						0,216			0,216
4	Đặng Thị Minh													0,036										0,144			0,144
5	Đặng Ngọc Quang													0,072										0,288			0,288
6	Vũ Anh Tuấn		0,108																					0,864			0,864
7	Bùi Thị Thái													0,036										0,144			0,144
8	Bùi Trung Hiếu		0,18																					1,440			1,440
9	Vũ Văn Minh												0,036											0,108			0,108
10	Phan Thanh Thoản												0,036											0,108			0,108
X	**Na Pặng**	**0,18**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**2,596**	**0,072**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**9,156**	**0**	**0**	**9,156**
1	Tống Văn Duẩn												0,18											0,540			0,540

TT	Địa phương	Thiệt hại trên 70% diện tích											Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích											Kinh phí hỗ trợ			
		Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Tổng nhu cầu kinh phí hỗ trợ	Số đã thực hiện hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương, tỉnh	Số đã thực hiện hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương	Nhu cầu kinh phí hỗ trợ còn thiếu
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng				
2	Nguyễn Công Thái												0,072											0,216			0,216
3	Nguyễn Thế Hiên												0,036											0,108			0,108
4	Nguyễn Văn Toàn												0,036											0,108			0,108
5	Nguyễn Văn Vụ												0,072											0,216			0,216
6	Hoàng Thị Hường												0,072											0,216			0,216
7	Tống Đình Lư												0,072											0,216			0,216
8	Đào Thị Dung												0,072											0,216			0,216
9	Ma Văn Dưỡng												0,101											0,303			0,303
10	Tống Văn Quảng												0,144											0,432			0,432
11	Tống Đình Đảng	0,18																						1,080			1,080
12	Nguyễn Văn Huế												0,036											0,108			0,108
13	Tống Văn Vĩnh												0,036											0,108			0,108
14	Tống Văn Minh												0,036											0,108			0,108
15	Tô Thị Yên												0,072											0,216			0,216
16	Tống Văn Bình												0,144											0,432			0,432
17	Vũ Tiến Thơm												0,072											0,216			0,216
18	Tống Thị Ngân												0,072											0,216			0,216
19	Tống Văn Vương												0,072											0,216			0,216
20	Phạm Văn Trường												0,072											0,216			0,216
21	Nguyễn Văn Bốn												0,18											0,540			0,540
22	Nguyễn Văn Tính												0,144											0,432			0,432
23	Mã Văn Cương													0,072										0,288			0,288
24	Ma Văn Lộc												0,108											0,324			0,324
25	Phan Văn Trượng												0,036											0,108			0,108
26	Mã Văn Gia												0,126											0,378			0,378
27	Doanh Thiêm Nghị												0,036											0,108			0,108
28	Trần Ngọc Loan												0,18											0,540			0,540
29	Phan Đức Bình												0,072											0,216			0,216
30	Lương Thị Nga												0,173											0,519			0,519
31	Ma Chí Tình												0,072											0,216			0,216
XI	**Khau Lai**	**0**	**0,324**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**2,592**	**0**	**0**	**2,592**
1	Hồ Thị Chuyên		0,072																					0,576			0,576
2	Nguyễn Tiến Tự		0,072																					0,576			0,576

TT	Địa phương	Thiệt hại trên 70% diện tích											Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích											Kinh phí hỗ trợ			
		Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Tổng nhu cầu kinh phí hỗ trợ	Số đã thực hiện hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương, tỉnh	Số đã thực hiện hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương	Nhu cầu kinh phí hỗ trợ còn thiếu
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng				
3	Tống Thị Dịu		0,18																					1,440			1,440
XII	**Đầm Rum**	**0,227**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1,362**	**0**	**0**	**1,362**
1	Phan Văn Luận	0,054																						0,324			0,324
2	Phan Văn Vị	0,036																						0,216			0,216
3	Phan Văn Thượng	0,058																						0,348			0,348
4	Phan Thị Nhị	0,08																						0,474			0,474

96,2034

96,203